TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26-4-2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Văn Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mai Vinh

Ông Trần Đăng Khoa

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Hấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1443[a]/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đinh Thị C; nơi cư trú: Thôn L, xã L1, huyện T, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt

- *Bị đơn*: Anh K J H; nơi cư trú: 1694 Daehwa-ri, Daehwa-myeon, Pyeongchang-gun Gangwon-do, Korea. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn xin ly hôn đề ngày 04/10/2018 và bản tự khai nguyên đơn chị Đinh Thị C trình bày: Chị C và anh K J H quen biết nhau qua một công ty môi giới. Ngày 11/3/2014, chị C và anh K J H đăng ký kết hôn tại Hàn Quốc. Ngày 13/5/2014, chị C làm thủ tục ghi chú kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai. Ngày 30/6/2014, chị C sang Hàn Quốc chung sống với anh K J H . Sau một thời gian chung sống, anh K J H nghe lời bố mẹ thường xuyên mắng chửi và đánh đập chị C, không cho chị C gọi điện về Việt Nam. Thời gian sinh sống tại Hàn Quốc, chị C không được ra ngoài do bị chồng và gia đình nhà chồng nhốt ở trong nhà. Do không chịu được cảnh áp bức nên đến ngày 14/9/2014, chị C đã về Việt Nam. Chị

C nhận thấy không còn tình cảm với anh K J H và mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án cho được ly hôn với anh K J H .

Về con chung, tài sản chung chị C và anh K J H không có nên chị C không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Đơn xin ly hôn đề ngày 23/01/2019, bị đơn anh K J H *trình bày*: Anh K J H có kết hôn với chị Đinh Thị C, sinh ngày 23/11/1995; nơi ở: Thôn L, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Anh K J H quen biết chị C qua công ty môi giới và kết hôn bên Hàn Quốc. Tháng 01/2014, anh K J H và chị C làm lễ đính hôn tại Việt Nam. Ngày 30/6/2014, chị C sang Hàn Quốc. Thời gian sinh sống tại Hàn Quốc, chị C không quan tâm đến anh K J H , suốt ngày cầm điện thoại, không ăn không uống thường xuyên cãi nhau với bố mẹ anh K J H . Anh K J H nói thì chị C không nghe, rồi ngủ riêng và đòi về Việt Nam. Anh K J H cảm thấy chán chị C. Ngày 14/9/2014, anh K J H đã mua vé cho chị C về Việt Nam và kể từ đó đến nay anh K J H và chị C không liên lạc với nhau. Anh K J H đề nghị Tòa án cho được ly hôn với chị C.

Về con chung và tài sản chung không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh K J H đề nghị xét xử vắng mặt và không kháng cáo bản án.

Tại phiên tòa, chủ tọa công bố đơn xin ly hôn của chị C, anh K J H và đơn xin xét xử vắng mặt của chị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1]. Xét về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn chị Đinh Thị C yêu cầu ly hôn với bị đơn anh K J H là người Hàn Quốc và hiện đang cư trú tại Hàn Quốc. Vì vậy, quan hệ pháp luật là ly hôn và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét sự vắng mặt của nguyên đơn chị Đinh Thị C và bị đơn anh K J H : Ngày 16/4/2019, nguyên đơn chị Đinh Thị C có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tại đơn xin ly hôn anh K J H đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đã được hợp pháp hóa Lãnh sự theo quy định tại Điều 124 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 228, điểm a Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung:

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị C và anh K J H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 11/3/2014 tại Hàn Quốc. Ngày 13/5/2014, ghi chú việc kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai theo Giấy xác nhận số 1019/STP-XN ngày 14/5/2014. Căn cứ Điều 8, 9, 122, 126 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm c khoản 2, Điều 7 và khoản 1, Điều 48 Luật Hộ tịch năm 2014 xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, chị C và anh K J H phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Ngày 14/9/2014, chị C về Việt Nam và từ đó đến nay hai người không còn liên lạc với nhau. Hơn nữa, chị C và anh K J H đều nhận thấy không còn tình cảm với nhau và thống nhất đề nghị Tòa án cho được ly hôn. Xét thấy cuộc sống chung giữa chị C và anh K J H không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị Đinh Thị C ly hôn với anh K J H .

[4]. Về con chung, tài sản chung: Chị Đinh Thị C, anh K J H không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đinh Thị C là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và lệ phí uỷ thác tư pháp theo quy định Điều 147, Điều 153 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 124 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, khoản 1 Điều 228, điểm a khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đinh Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đinh Thị C được ly hôn anh K J H .

2. Về con chung, tài sản chung không có và chị Đinh Thị C không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Thị C phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị C đã nộp theo Biên lai số 0001736, ngày 27 tháng 3 năm 2019 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng và chi phí tố tụng khác. Chị Đinh Thị C đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Đinh Thị C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Anh K J H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Dương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đăng Khoa **Nguyễn Thị Mai Vinh** **Nguyễn Văn Dương**

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Dương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đăng Khoa **Nguyễn Thị Mai Vinh** **Nguyễn Văn Dương**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đăng Khoa **Nguyễn Thị Mai Vinh** **Nguyễn Văn Dương**